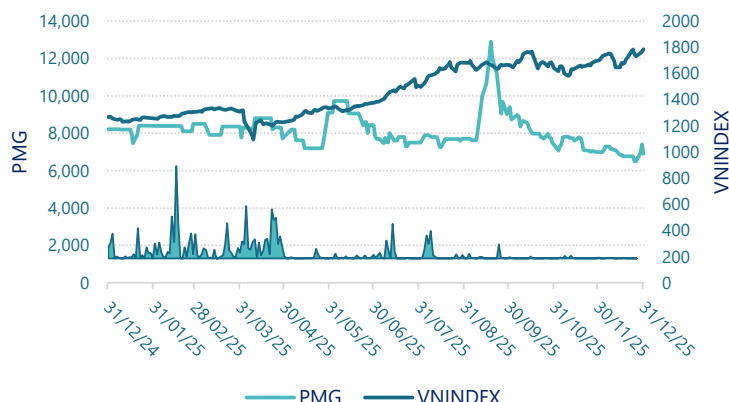


CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (HSX: PMG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,890
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	46,336,278
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,880
% sở hữu nước ngoài	20.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	319
P/E	15.5
EPS	446

DT thuần

Q4/25

395

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.0 | -6.6%

YoY: ▼133 | -25.2%

LN sau thuế

Q4/25

8.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.09 | 1.2%

YoY: ▲2.00 | 32.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.0%

+/- YoY: ▼0.2%

DT thuần

2025

1,758

tỷ VNĐ

YoY: ▼267 | -13.2%

LN sau thuế

2025

24.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.90 | -21.8%

ROE

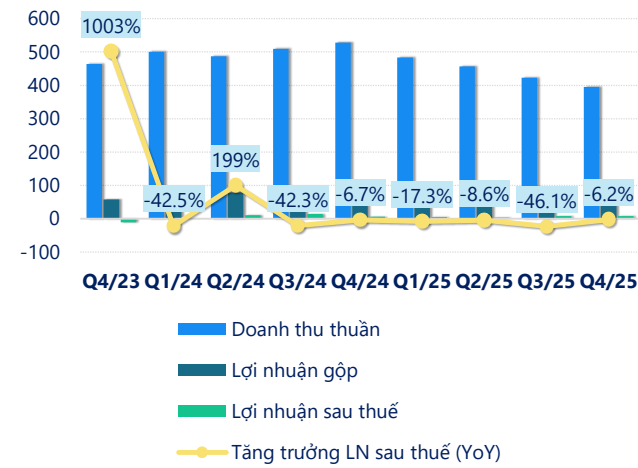
2025

3.0%

+/- YoY: ▼0.8%

tỷ VNĐ

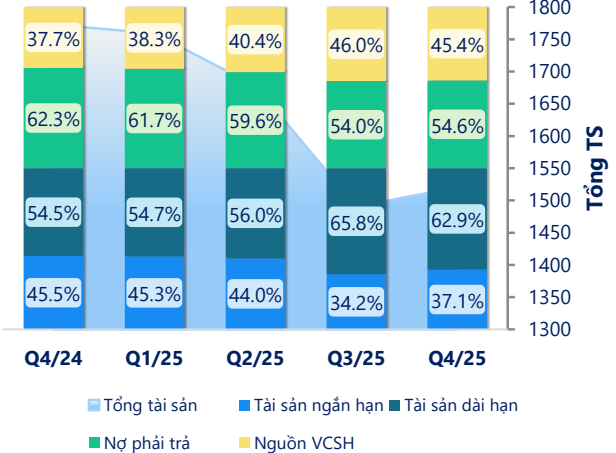
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

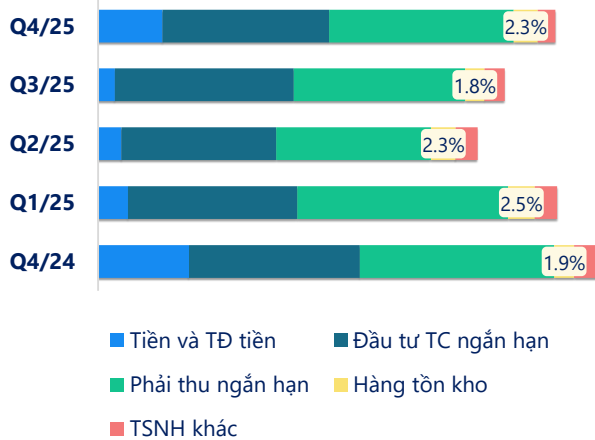
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



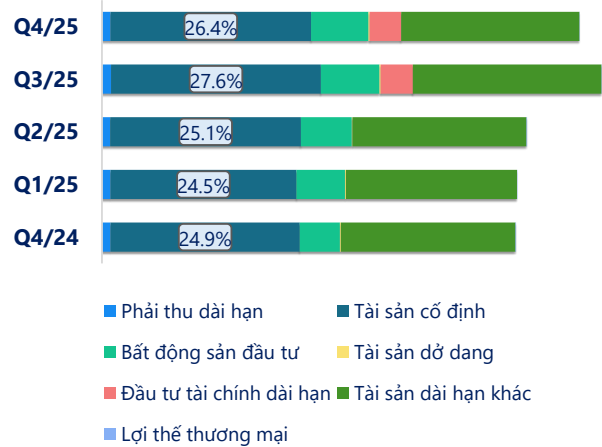
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

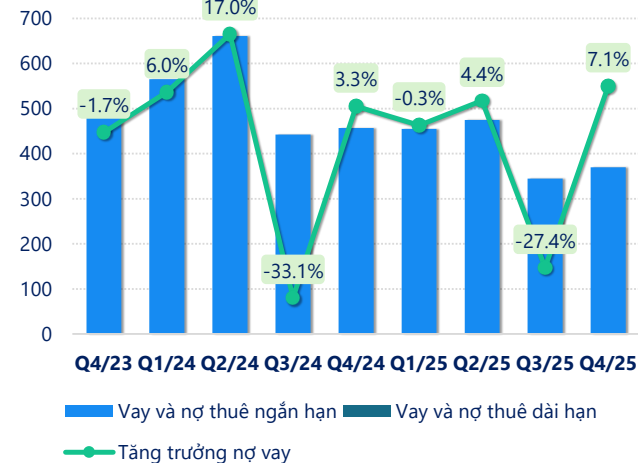
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

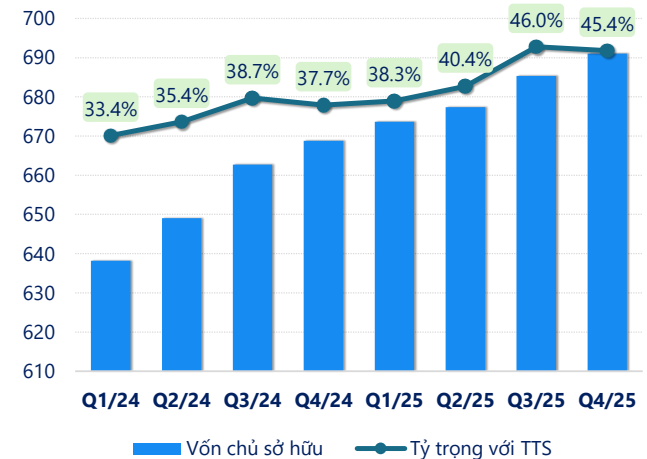
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

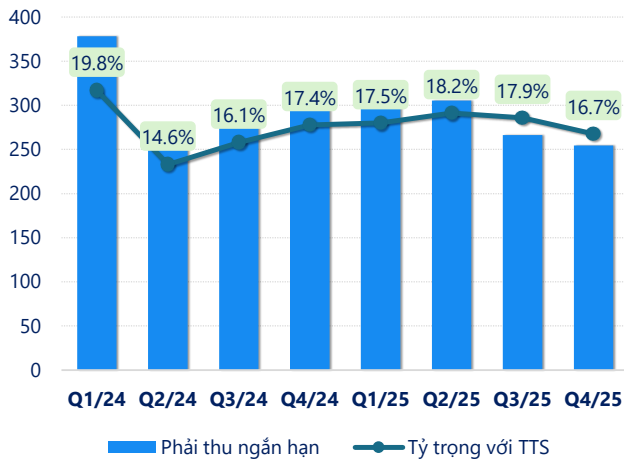
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



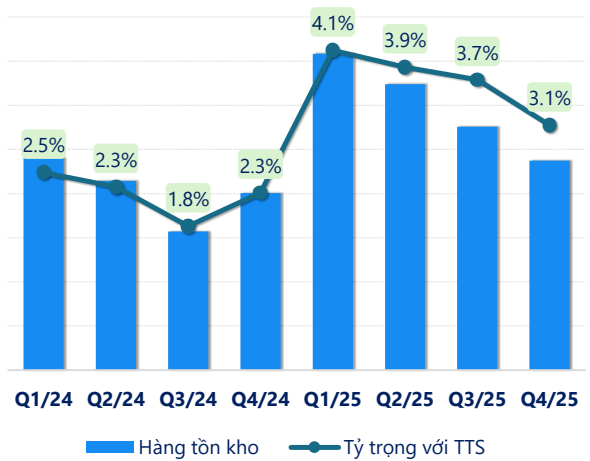
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


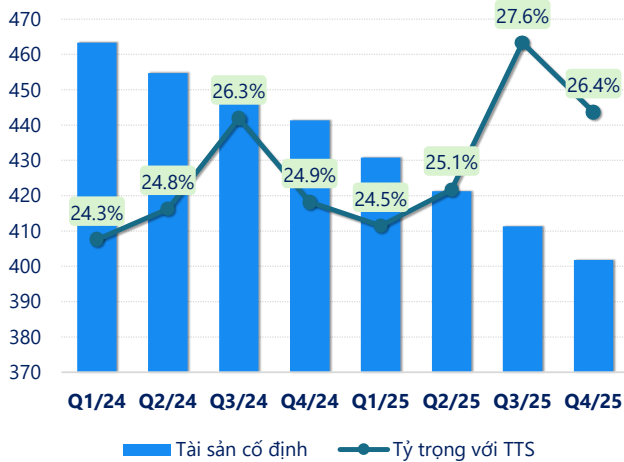
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


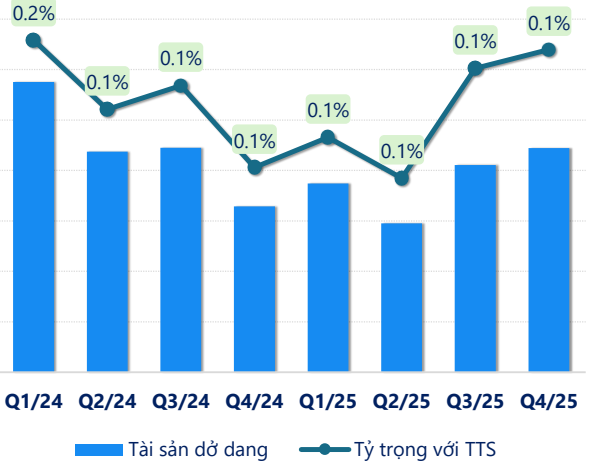
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

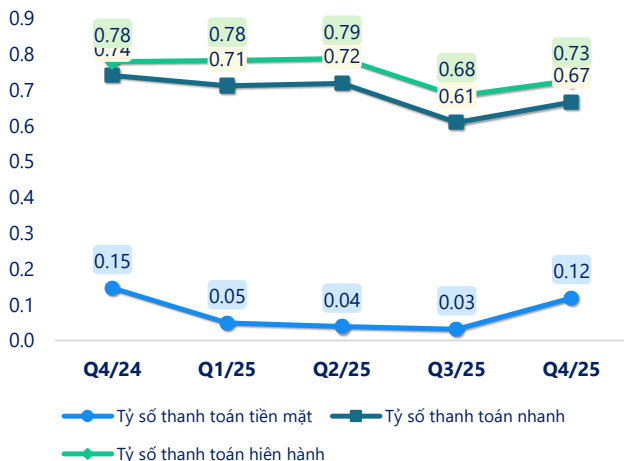
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

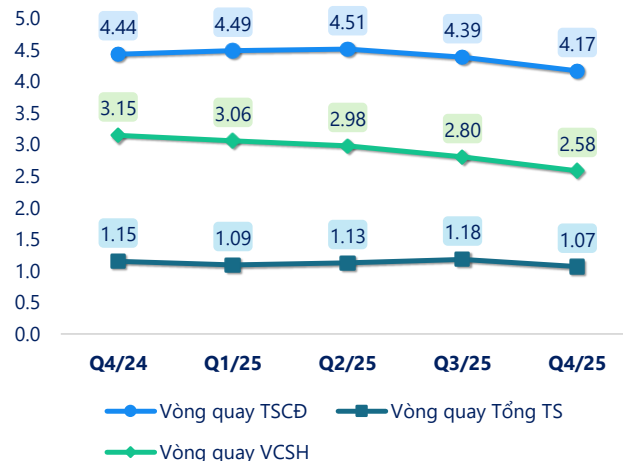
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,773	1,759	1,678	1,490	1,520
Tài sản ngắn hạn	807	797	739	510	564
Tiền và tương đương tiền	152	49.7	36.8	23.4	92.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	337	304	141	151
Phải thu ngắn hạn	308	308	306	266	254
Hàng tồn kho	40.1	71.7	64.8	55.2	47.4
Tài sản ngắn hạn khác	29.4	30.8	27.5	23.5	18.7
Tài sản dài hạn	966	962	939	981	956
Phải thu dài hạn	20.0	19.6	18.5	18.1	16.9
Tài sản cố định	441	431	421	411	402
Bất động sản đầu tư	94.1	112	112	115	115
Tài sản dở dang	1.64	1.87	1.48	2.05	2.22
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	63.0	63.0
Tài sản dài hạn khác	408	396	384	370	357
Lợi thế thương mại	1.20	1.06	0.93	0.80	0.67
Nợ phải trả	1,104	1,086	1,000	805	829
Nợ ngắn hạn	1,035	1,019	938	746	776
Vay và nợ thuê ngắn hạn	457	455	475	345	369
Phải trả người bán ngắn hạn	557	551	446	385	391
Nợ dài hạn	69.1	66.6	62.6	59.0	53.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	669	674	677	685	691
Vốn chủ sở hữu	669	674	677	685	691
Vốn điều lệ	463	463	463	463	463
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)